

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **110** /2020/DS-ST

Ngày: 21/9/2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Thị Bận, bà Nguyễn Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Ông Y Lương Byă – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST- DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXX-DSST ngày 15 tháng 7 năm 2020; Thông báo chuyển lịch xét xử ngày 31/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2020/QĐST-DS ngày 24/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Phường 8, quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T (Theo giấy ủy quyền số

1098/2020/UQ-TTT)

Địa chỉ: 130-132 Lê Hồng P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Trần Đình Q – sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 75 Nguyễn Đức C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quang T trình bày:

Ngày 12/4/2012 ông Trần Đình Q có ký với Ngân hàng Thương Mại Cổ phần S hợp đồng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000đ. Sau khi được cấp thẻ thì ông Q đã giao dịch với tổng số tiền là 33.654.151 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 42.836.300đ. Tính đến ngày 11/5/2017 ông Q còn nợ gốc 4.321.835 đồng. Ngân hàng đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông Q vẫn chưa trả cho Ngân hàng. Số tiền lãi tính đến ngày 05/11/2019 (thời điểm khởi kiện) là 4.223.214đ, tổng cộng 8.545.049 đồng. Tại phiên tòa, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Q phải thanh toán hết số tiền gốc 4.321.835 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 21/9/2020 là 5.691.316đ. Tổng cộng ông Q còn phải trả cho Ngân hàng số tiền 10.013.000đ.

Đối với bị đơn ông Trần Đình Q: Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi cư trú của ông Q nhưng ông Q vẫn không lên Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký và xác định chữ viết Trần Đình Q trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là của ông Q. Vì vậy, cần đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuật đã phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Trần Đình Q có nơi cư trú tại số 75 đường Nguyễn Đức C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng tại nơi ông Q đang còn cư trú nhưng ông Q không đến Tòa án tham gia tố tụng. Đồng thời tại phiên toà lần thứ hai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là buộc bị đơn trả tiền theo hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký kết giữa ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đắk Lắk với ông Trần Đình Q, đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy Ngày 12/4/2012 ông Trần Đình Q có ký với NHTMCP S hợp đồng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000đ. Sau khi được cấp thẻ thì ông Q đã giao dịch với tổng số tiền là 33.654.151 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 42.836.300đ. Tính đến ngày 11/5/2017 ông Quý còn nợ gốc 4.321.835 đồng. Do ông Q không tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký, chữ viết kết quả giám định chữ viết trong hợp đồng vay tiền là của bị đơn. Như vậy, bị đơn ông Trần Đình Q đã vi phạm hợp đồng vay tài sản mà các bên đã ký kết nên cần buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc là 4.321.835đ là phù hợp .

Về lãi suất: Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Q phải có nghĩa vụ trả lãi suất theo thỏa thuận đến ngày xét xử sơ thẩm 21/9/2020 là phù hợp. Cụ thể: $4.321.835đ \times 3,225 : 30 \times 1.225 \text{ ngày} = 5.691.000đ$.

Vì vậy cần buộc ông Trần Đình Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 10.013.000đ

[5] Về chi phí giám định: Trong quá trình giải quyết vụ án do bị đơn vắng mặt nên Ngân hàng đã nộp tiền giám định chữ ký với số tiền là 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*). Vì vậy, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền giám định là phù hợp.

[6] Về án phí: Ông Trần Đình Q phải chịu án phí DSST. Cụ thể: 10.013.000đ x 5% = 500.650đ. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 220; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005.

- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S. Buộc ông Trần Đình Q phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 10.013.000đ (*Mười triệu không trăm mười ba nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 4.321.835 đồng, nợ lãi là 5.691.000đ (tạm tính đến ngày 21/9/2020) và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 22/9/2020 theo mức lãi suất hai bên đã ký kết cho đến khi trả xong số nợ.

2. Về chi phí giám định: Ông Trần Đình Q phải chịu tiền giám định chữ ký với số tiền là 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 3.600.000đ sau khi thu được từ ông Trần Đình Q.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Đình Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 500.650đ (*Năm trăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng*). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà ông Lê Văn G đã nộp thay theo biên lai số 0005661 ngày 07/01/2020.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Văn Tú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

